www.SachVui.Com

VƯƠNG HỒNG SỂN

Sài Gòn
NĂM XƯA

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

www.SachVui.Com

KÍNH DÂNG BA

Tập biên khảo thường đàm này để tưởng niệm những phút êm đềm đã qua

Năm 1919, Ba đưa con lên Sài Gòn vô trường lớn.

Con bắt đầu nếm mùi cháo cá Chợ Cũ, hủ tíu Chợ Mới, xem hát thí Chùa Bà Chợ Lớn, nhai thịt bò kho thằng Lù, có năm cắc leo chuồng gà ngồi coi hát Tây, và cảnh không còn gặp nữa là: bữa bữa hai cha con thượng cao lâu ăn cơm xá xíu.

Năm 1927, Ba lên thăm, con mua bánh Catinat, lòng mừng dâng Ba món lạ, Ba không dùng, hỏi con: **Chữ Hiếu** ***sao có đắt tiền?***

Năm nay 1960, đầu con bạc mà túi vẫn nhẹ, muốn mua bánh, Ba không lên: xe giằn, đường xa, hai con đò Cái Vồn và Mỹ Thuận vẫn có tiếng không lịch sự đối với hành khách **"bát thập lão ông"** ***như Ba vậy!***

Những ký ức bấy lâu, con viết gởi về:

Vương Trạch Nhựt, ***cháu hãy đọc lớn cho Nội nghe.***

Gia Định, đường Rừng Sác, số 5

ngày 26 tháng 5 năm 1960

SỂN

TỰA

Bởi thấy tôi là người trong Nam, đầu pha hai thứ tóc, làm việc trong một cơ quan chuyên môn, thêm có tánh ham chơi cổ ngoạn, tom góp giấy má cũ đầy nhà, rồi tiếng đồn truyền ra: tôi sành sỏi chuyện xưa, tôi giỏi kê cứu điển cổ, báo hại phần đông văn hữu Bắc và Trung, ông nào quen một đôi lần, gặp nhau, hết năm ba câu lấy lệ, làm gì cũng hỏi vặn tôi về:

gốc tích hai chữ SÀI GÒN.

Nói ư? - Chỉ bày cái dốt của mình ra!

Nín ư? - Người cười, càng thêm khó chịu!

Thôi thì còn một cách: ôm mớ tài liệu thâu thập bấy lâu dù hay dù dở, dù chưa bằng bụng, mình biết lấy mình, bày hết, trình hết ra đây, mặc tình các vị xa gần tùy thích lựa chọn: tóc tơ cặn kẽ đuôi đầu, *dù chẳng làm nên cái bánh ngon, cũng được tiếng là không xấu bụng!*

Đối với các bạn nhỏ hiếu học, tôi xin nói lớn:

1) - Chỗ nào các bạn thấy mới, đừng sợ: ấy tôi đã cân nhắc kỹ càng, cứ tin cứ dùng: coi vậy mà xài được!

2) - Chỗ nào còn chưa êm, *nhờ các bạn chỉ giùm, nếu tìm cách bổ khuyết càng tốt, gọi giúp lẫn nhau:* già thua trẻ không *xấu, mắc cỡ bậy, hay gì?*

Đối với các học giả, các bậc lão thành, các vị cố cựu đất Sài Gòn, tôi xin nghiêng tai nghe dạy, chắp tay đứng hầu.

Học giả tiền bối trong Nam, cụ Trương Vĩnh Ký, trong Excursions et Reconnaissances *(tạp chí về du lãm và thám hiểm), tập số 23, tháng Năm và Sáu năm 1885, có viết một bài khảo cứu Pháp văn* Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs *(Ký ức lục khảo về lịch sử Sài Gòn và vùng phụ cận). Bài này viết hai mươi lăm năm sau năm Nam Kỳ thất thủ (1859 - 1885)*

Nay tôi dựa theo bài ấy làm nòng cốt mà kể tiếp, nhắc lại những sự biến đổi từ thuở đó cho đến ngày Sài Gòn trở về với dân Việt, ngót một trăm năm.

Bắt tay vào việc, cốt ý của tôi là muốn cống hiến ra đây mớ hiểu biết lụn vụn và mớ nghe thấy vặt vãnh về Sài Gòn. Cũng nghĩ nếu mãi sụt sè, đến ngày xuống lỗ, chắc gì ôm theo được? (mà chừng đó ôm theo ích gì cho ai?). Ở đây, tôi chú trọng nhiều nhứt là những đoạn sử vụn vặt buổi giao thời: Pháp -Nam -Chà -Chệc chung đụng, những chuyện Tây đến Tây đi, *những việc chưa ai nói rõ ràng, may tôi được nghe đến tận tai, hoặc thấy tận mắt, nhiều đoạn do hiểu biết riêng, lắm đoạn nhờ các cố lão thuật lại. Tôi không dám chắc đúng cả, nhưng* ăn trầu gẫm mà nghe *bây giờ chưa nói còn đợi lúc nào? Có nói có cãi, lần hồi mới phăng ra sự thật.*

*

Tôi không quên cám ơn anh bạn thân Lê Ngọc Trụ, người nhau rún Chợ Lớn, đã dày công giúp tôi xây dựng tập sách nhỏ này.

Cũng như tôi không dám quên ơn tất cả các bạn xa gần đã góp sức cùng tôi, trong số, điển hình nhứt, có anh Mười Minh Tải Đặng Văn Ký, người đồng cảnh ngộ với cụ Trần Trọng Kim Tân Gia Ba thuở nọ. Nay anh Mười nằm khoảnh làm ẩn

sĩ, ấp Đông Nhì, Gò Vấp, anh không làm gì hết, nhưng anh dày công ủng hộ tôi về mặt tinh thần, giúp thêm ý kiến, và đã đổ nhiều bọt oáp trong khi cùng tôi tìm hiểu địa điểm Mả Ngụy *ngày nay nằm nơi đâu!*

Còn một người nữa, bạn già với nhau, ông Hoàng Xuân Lợi, họa sĩ Viện Bảo tàng. Mấy ảnh chụp khéo, mấy bức địa đồ công phu không có, làm sao tập sách nhỏ này thành hình?

- Bác Lợi, cảm tình chất chứa tận đáy lòng, tôi vội gói làm một gói tri ân nồng hậu, *xin bác vui nhận.*

Xuân Mậu Tuất (1958) - Xuân Canh Tý (1960)

VƯƠNG HỒNG SỂN

PHẦN THỨ NHỨT

NHẮC LẠI CUỘC MỞ MANG BỜ CÕI VĨ ĐẠI CỦA DÂN VIỆT

Nối dõi tổ tiên, trong cuộc mở mang bờ cõi vĩ đại

Đến bây giờ, còn phân phân bất nhứt: các học giả vẫn bàn cãi không thôi chung quanh hai tiếng "Sài Gòn", chẳng biết từ đâu, bởi đâu mà có. Kẻ nói vầy, người nói khác, không ai chịu ai. Tranh luận mãi càng thêm rối trí, không bổ ích vào đâu. Một điều an ủi chung cho hạng gàn như tôi là chính trong tập khảo cứu năm 1885, nhà bác học uyên thâm trong Nam, cụ Trương Vĩnh Ký, cũng tỏ ra bối rối như ai!

*

Để dọn đường tìm hiểu thêm về nguồn gốc "Sài Gòn" của người Việt, chúng tôi trước tiên, xin tóm tắt cuộc mở mang bờ cõi như sau:

Căn cứ theo tài liệu sách sử để lại, đại cương sự phát

triển không ngừng của dân tộc Việt Nam gồm có những năm này, quan trọng nhất:

- 939, tổ tiên Việt còn ở vùng Thanh Hóa, và nhờ có ông Ngô Quyền, cởi được ách Bắc thuộc, mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần về sau được tự chủ ở cõi Nam;

- 1069, xuống đến Quảng Bình, Quảng Trị;

- 1307, nhà Trần gả Huyền Trân Công chúa cho vua Chàm, mở rộng cõi bờ thêm hai châu Ô, Lý (Thừa Thiên);

- 1425, đến Thuận Hóa;

- 1471, đến Quy Nhơn;

- 1611, đến Phú Yên;

- 1653, đến Nha Trang;

- 1658, Chân Lạp xin thần phục chúa Nguyễn, nhìn nhận quyền của triều đình Huế;

- 1680, Nguyễn chúa cho bọn tàn binh nhà Minh khai khẩn hoang địa vùng Đồng Nai;

- 1693, đến Phan Thiết;

- 1698, đến Biên Hòa và Gia Định (Sài Gòn);

- 1708, Mạc Cửu dâng Hà Tiên cho chúa Nguyễn, Mạc được phong làm tổng binh đời vĩnh trấn Hà Tiên;

- 1755, quốc vương Chân Lạp nhượng đất Tần Bôn và Lôi Lạp cho Võ Vương. Trong Nam, ông Nguyễn Cư

Nam. Vào cuối thế kỷ XVIII, tại Gia Định, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định ba người cùng lập thị xã nâng cao đuốc văn hiến một thời;

- 1780, Mạc Thiên Tứ (con Mạc Cửu) mất, không con nối hậu. Từ đây, đất Hà Tiên sáp nhập cơ đồ Nguyễn chúa: cuộc khẩn hoang đồng bằng sông Cửu Long của dân tộc Việt Nam, đến đây đã hoàn thành.

Bản đại lược tóm tắt như trên, gọn thì có gọn, nhưng quá vắn tắt nên khó tránh sự tối nghĩa, và kém sáng suốt, nhứt là đối với những người không nằm lòng lịch sử nước nhà.

Về tổ chức đồn điền, xét ra đã có từ đời Hồng Đức (Lê Thánh Tôn)[1], từ ngày vua Lê Lợi đuổi được quân Tàu, thế nước rất mạnh, hiềm vì đất đai chật hẹp không đủ cho dân cày cấy, nên Lê Thánh Tôn thi hành chính sách bành trướng vào Nam, lập kế đồn điền. Tổ chức này có hai phương lợi: một là trấn an biên thùy, hai là mở rộng bờ cõi một cách hòa bình. Nhơn thế, một chức quan được đặt ra, gọi quan Thu ngự kinh lược sứ với nhiệm vụ chiêu tập những lưu dân (gồm những dân tình nguyện, những người phải tội lưu trú ngoài biên cương, hoặc những người bỏ làng để trốn lính và tránh sưu thuế...). Những người ấy được đưa đi khai khẩn đất hoang, được quan kinh lược

(1) Lê Thánh Tôn (1460 - 1497)
Niên hiệu: Quan Thuận (1460 - 1469)
Hồng Đức (1470 -1497)

giúp đỡ và ủng hộ. Họ biến vùng đất hoang vu ở đồng bằng sông Cửu Long thành một nơi trù phú.

Sau một hai đời, thì những Hạt mới được sung nhập lãnh thổ Việt. Lần lần, những lưu dân miền Bắc, miền Trung mở rộng đất đai bờ cõi Việt từ sông Cả đến tận mũi Cà Mau.

Nhân đây là bài khảo cứu về căn cội đất Sài Gòn và muốn cho đầy đủ, chúng tôi không sợ lẩn thẩn, mà thuật lại có đầu có đuôi "công cuộc mở mang bờ cõi" của tổ tiên ta, tính ra kéo dài trên tám trăm năm (từ năm 939 đến năm 1780) mới hoàn thành. Có một khoảng trên dưới một trăm năm, cần phải nhấn mạnh nhứt là khoảng từ năm 1658 đến năm 1759, tức đoạn tổ tiên ta chung đụng với người Cam Bốt, trên cõi Nam này. Ngày nay hai nước là bạn thân, chúng tôi hết sức trân trọng, vô tư và khách quan, thuật lại như sau để đánh tan những hiểu lầm.

1. - Cõi Nam từ năm 1658 đến năm 1753

Lúc ấy đã có người Cam Bốt ở trên đất Nam này rồi. Nói chính đáng mà nghe, từ Huế, chúa Hiền Vương đã từng đưa quân, dân đi đến miền Nam, dân Việt đã có dịp chen vai thích cánh sát với người Khmer, nơi những vùng biên giới cũ Chàm, kể từ năm 1658.

Một điều nên nhớ kỹ, là vào thời buổi ấy, *DÂN THƯA ĐẤT RỘNG, DÂN LÀM ĂN KHÔNG HẾT*, việc đi khai

khẩn đất hoang là thường sự và không hề sanh ra việc gì rắc rối. Tục thường ví *CHIM TRỜI CÁ NƯỚC*, ai bắt được nấy nhờ.

Một điều khác cần nói rõ thêm là đất miền Nam của bán đảo Ấn Độ - Chi Na cũng không phải thiệt thọ "phần đất phụ ấm" của Khmer. Sự thật thì dòng thổ dân tiên chiếm vùng này là giống Phù Nam đã bị tiêu diệt từ thế kỷ thứ VII, và có thể người Khmer chiếm thay người Phù Nam từ thế kỷ thứ VII, lại mấy ai có sự đòi hỏi tranh tụng gì? Tha hồ lúc ấy ai khai phá được khoảnh nào thì nấy làm chủ ăn hoa lợi. Và như đã nói "đất ở không hết", tội gì tranh giành cho nhọc lòng lo, cho mệt xác. Sợ nhứt là làm như vậy, chỉ sanh oán thù, ích gì?

Gương xưa tích cũ còn trước mắt sờ sờ:

- Pháp quốc đã giàu mạnh, nhưng còn nhà đất Gia Nã Đại, chẳng qua lúc ấy vừa chê xa xôi, vừa chê ít hoa lợi...

- Trung Quốc là nước lớn, thế mà cắt đất Mã Cao để làm nhượng địa cho Bồ Đào Nha, rồi cũng cắt đứt Hương Cảng làm nhượng địa cho Anh Quốc, chung quy cũng vì thời buổi ấy hai chỗ này chỉ núi đá trơ trơ, toàn đất hoang vu không sanh hoa lợi, "mất" hay "bỏ" vẫn không tiếc...

Nhắc lại, sau khi nhà Minh bên Trung Quốc bị nhà Mãn Châu thay thế, thì năm 1680, bọn di thần Minh Triều như Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn, Trần Thắng Tài, v.v...

tự xưng người "Trường Phát" (tóc dài) không khứng đầu hàng Thanh triều, vì họ ghét tục dân Mãn Châu cạo đầu gióc bín (để đuôi sam như đuôi lừa). Bởi rứa, theo sử chép lại, các tướng ấy dìu dắt độ ba ngàn tinh binh trung thành với cựu trào, lướt sóng trên năm mươi, sáu mươi chiến thuyền vượt trùng dương tìm xuống miền Nam, xin đầu hàng chúa Nguyễn, vì dân Nam cũng để tóc dài và trung thành với đạo Khổng Mạnh như họ. Đứng trước tình trạng khó xử này, chúa Hiền Vương trong lòng bối rối không vừa, vì kỳ trung chúa chẳng muốn gần gụi đám vong thần bất trị ấy; nhưng với trí tinh khôn có thừa, ngoài mặt chúa giả cách niềm nở tận tình. Chúa bày tiệc khoản đãi quân sĩ nhà Minh rồi "tống khứ" họ xuống miền Đông Phố (1), đề nghị vua Chân Lạp để cho họ được khai thác vùng Đồng Nai, Miên Vương tỏ ra không bận tâm nhiều

---

(1) Nên gọi "Đông Phố" hay là "Giản Phố"??

a) Danh từ "Đông Phố" đã trở nên bất hủ vì bài văn quan Tiền quân quận công Nguyễn Văn Thành tế trận vong tướng sĩ năm 1802 có câu: "Than ôi! Trời Đông Phố vận ra Sóc Cảnh..." vân vân.

Theo chú thích trong *Quốc văn trích diễm* Dương Quảng Hàm, trương 132, thì "Đông Phố" là tên cũ thành Gia Định.

b) Theo giáo sư Nghiêm Toản thì:

Đông Phố thực ra là "Giản Phố", vì lẽ chữ "Giản" và chữ "Đông" viết gần giống nhau, chỉ khác hai chấm thay vì một nét:

Giản: 柬 Đông: 東

Truy thêm ra, thì "Giản Phố", do nơi "giàn Phố Trại" mà ra, và "Giản Phố Trại" tức là "Cambodia" do người Tàu âm ra tiếng của họ và vẫn đọc "kan-pou-tchai", tức là "Cambodge" ngày nay vậy.

Như vậy, thì đúng hơn nên gọi "Giản Phố" hơn là "Đông Phố", nhưng cái gì cũng không mạnh hơn thông tục.

đến vùng hoang địa ranh mức tầm ruồng này. Như thế, nhơn một mũi tên, chúa Nguyễn bắn được hai chim; một đàng, được lòng người Tàu vì họ có chỗ dung thân, đàng khác nhơn cơ hội, mượn tay tha nhơn, mở rộng cõi bờ một cách hòa bình, không tốn hao binh sĩ; thật là ngón ngoại giao sắc cạnh khôn bì.

Nhắc lại, được lịnh Chúa Nguyễn, tướng Dương Ngạn Địch kéo quân xuống đóng vùng Mỹ Tho trên sông Tiền Giang (Mékong); còn Trần Thắng Tài, Huỳnh Tấn và Trần An Bình thì đem bổn bộ binh mã đến vùng Biên Hòa, trên con sông Đồng Nai. Vì không nói được chữ "đ" nên họ vẫn gọi "Đồng Nai" thành "Nông Nại".

Khi người Khmer đụng độ với người Tàu thì đã lấy làm bực mình vì phong tục khác xa, không dè đến khi họ ăn chung ở lộn với dân "duồng" (1) họ lại càng thêm khó chịu. Họ ngầm ghét dám dân "Đồn điền" mới.

Lần hồi, không cử động binh đao, mà người Cam Bốt (Campuchia) tự rút lui về miền thượng Lục Chân Lạp (Haut Cambodge) bỏ đất hoang Thủy Chân Lạp (Basse Cochinchine) cho mặc tình người Trung Quốc và Việt Nam tha hồ khai phá. Tỷ dụ như lối năm 1920, dân Miên và dân Việt đua nhau khai thác xin khẩn đất hoang dọc theo kinh xáng mới đào vùng Phước Long và Vĩnh Quới (Rạch

---

(1) Xin đem phụ chú ở trương 36

Giá) để làm ruộng. Mỗi khi đôi bên không thuận nhau về quyền tiên chủ sở đất nào, thì người Miên thường thách đố người Việt hãy đồng lòng đem sở đất tranh chấp "hiến nạp" ngon lành cho viên chức sở tại, như vậy thì họ sẽ hết giận báo hại quan thinh không phát tài ngang! nhưng người Việt đâu chịu là vậy và thường có cách khéo giải hòa với bạn Miên khỏi "làm giàu vô cớ" cho quan! Duy ngày nay, còn giận ai nữa mà Miên vẫn cất nhà xây mặt tiền vào vườn, ít chịu xây mặt ra đường cái hay ngó ra con sông tấp nập?

Nhắc lại năm Giáp Dần (1674), Chúa Hiền đã từng sai binh xuống giúp nước Miên do Nặc Ông Non cầu cứu dẹp hộ binh Xiêm. Đến khi vua Miên thấy cảnh ở Sài Gòn bị kẹp giữa hai gọng kềm "chệc" (1), bèn cầu cứu với triều Huế, Chúa Hiền nhân cơ hội ấy để sai nha trảo xuống giàn xếp.. Thêm một cơ hội may mắn đến cho triều Huế là vào năm 1688 giữa người Tàu Mỹ Tho và người Tàu Cù lao Phố sanh ra sự bất hòa lớn. Chúa Hiền khi ấy đã mất, nhưng Ngãi vương nối ngôi không kém sự trí mưu. Huỳnh Tấn giết Dương Ngạn Địch, binh sĩ chưa lại nghỉn thì kế

---

(1) a) *Chệch* hay *chiệc*, do "thúc" là "chú", giọng Triều Châu. Nghĩ họ gác thật: thuở ấy bắt mình kê vai kênh họ lén rất cao; "Chú chệch", "Thím Xẩm" (Quảng Đông gọi "thím" là "xẩm".) Rồi nào "Ông Tây", "Bà Đầm", thậm chí "Anh Báy Chà", v.v...

b) Người Miên gọi dân Trung Hoa là "chênh". Truy ra, có đến hai điển: "Chênh" là "Thanh" Tsing thì có đời Mãn Châu. Nếu "Chênh" do "Tsing" thì xưa đến đời Tần.

bị Chúa Ngãi ra tay trước, giết Huỳnh Tấn, dẹp tan đám giặc khách sót lại ở Mỹ Tho mà làm chủ tình thế hai thị trấn tân tạo Mỹ Tho và Cù lao Phố (Biên Hòa).

Miên Vương một mặt dẫn phi tần về thành U Đông, mặt khác sai sứ nạp biểu. Chúa Ngãi cho dân, quân về an dinh lập trại Bến Nghé. Công việc ấy gọi là "đồn dinh". (1)

---

(1) Năm Quý Dậu (1753) (tức năm thứ 16 chúa Thế Tôn, Võ Vương), chúa sai Thiện chính hầu làm Cai đội, và Nghi biểu hầu Nguyễn Cư Trinh là ký lục, dẫn binh năm dinh: Bình Khánh (nay Khánh Hòa, Bình Thuận), Trấn Biên (nay Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định) và Long Hồ (Vĩnh Long), tựu tại Bến Nghé, nơi này sau gọi là "Đồn Dinh". (Tài liệu theo bản dịch ra Pháp văn của học giả Gaspardone dịch từ bản chữ Hán *Gia Định thông chí* của Trịnh Hoài Đức. Bản chép tay mang số A.708q. 9-4, fo 12 của trường Viễn Đông Bác Cổ, Hà Nội). Nhà học giả L. Malleret độ chừng "Đồn Dinh" ở tại chỗ góc đường Thuận Kiều giáp Rạch Nhiêu Lộc. Ngày nay đường Thuận Kiều đổi lại gọi đường Lê Văn Duyệt. Còn Rạch Nhiêu Lộc có phải ở gần mộ ông này, chúng tôi mới tìm thấy trong vùng đất thuộc dinh thự của nhơn viên phi trường Tân Sơn Nhứt, bọc theo con đường Võ Tánh chạy dài qua hồ tắm Chi Lăng, mộ này ở khoảng giữa hai đường Võ Di Nguy và Ngô Đình Khôi trong vòng rào, ngay chỗ vừa đào một ngôi mộ xưa để mở rộng con đường Võ Tánh (xem lại kỷ Bulletin de la société des Etudes Indochinoises, octdéc. 1935, tr. 18-19).
Cũng trong tập kỷ yếu B.S.E.I. nói trên, qua trương 35, học giả Malleret viết:
"... Alors le souverain légitime dut s'enfuir à Phu Quốc. Entre temps, la chef" rebelle Lư avait pris le titre de Đông Định Vương, "écrit Aubaret, c'est-à-dire roi de Đon Dinh".
Chỗ này, học giả Pháp đã lẫn lộn "Đông Định Vương" lại với "Đồn Dinh" rồi. Trương 30, ông Malleret ghi rằng theo *Gia Định thông chí* (q.4, fo 31 ms EFEO) có nói năm Gia Long thứ 10, lịnh dạy dời "Đồn Dinh" qua chợ Điều Khiển, xóm (lân) Tân Hội.
Trái lại, Trong *Đại Nam nhất thống chí* (Pháp dịch "la Géographie de Tu Đuc"), thì nói "Đồn Dinh" từ xóm Tân Mỹ được dời về xóm "Tân Thuận". Tác giả, ông Malleret, kết luận "Đồn Dinh" ở trong địa phận huyện Tân Bình.
Chung quy, "Đồn Dinh" và chợ "Điều Khiển" chưa ai biết đích xác ở tại đâu.

Thuở đó, xứ Cam Bốt có đến hai vua:

- Vua Nhứt, Chánh Vương, ngự tại thành Lo Vek (sách sử Việt âm là "La Bích" hoặc "Gò Bích" (Trương Vĩnh Ký); (trong *Việt Nam Sử lược* - Trần Trọng Kim, trương 329, ghi "thành Long Úc", phải Lo Vek này chăng?!

- Vua Nhì, tức Phó Vương, đóng đô tại Prei Nokor, sau này là Sài Gòn.

(Một nước hai vua, một xứ hai mặt trời, đây là một tình thế lưỡng lập vạn bất đắc dĩ, không bao giờ tồn tại được lâu. Về sau, nếu có xảy ra sự di dân Khmer tự mình bỏ Thủy Chân Lạp rút lui về Lục Chân Lạp, âu cũng vì một lẽ Chánh Vương ngầm muốn để còn một vua đặng dứt hậu hoạn về sau, một lẽ nữa, cũng tại lòng dân Miên mà cũng có tay Trời già ở trong!)

Prei Nokor vào thời bấy giờ, là một thôn nhỏ trong rừng già dựa kề một đồn kiên cố, dân cư thưa thớt, nhà cửa lèo hèo, cột cây nóc lá, tập trung trên các gò nổng cao ráo, chung quanh là ao sình nước động quanh năm, sâu vô trong nữa thì toàn là rừng rú thiên nhiên đã có từ tạo thiên lập địa, không ai khai phá, đầy rẫy muỗi mòng, đỉa vắt và thú dữ: tây, tượng, hùm, beo, khỉ, sấu... Prei Nokor dùng làm nơi đồn trú của Phó Vương Cao Miên (một cái gai trong mắt Chánh Vương).

Việt Sử Trần Trọng Kim nói: "Năm Mậu Tuất (1658), vua nước Chân Lạp mất, chú cháu tranh nhau, sang cầu

cứu bên Chúa Nguyễn, Chúa Nguyễn bấy giờ là Chúa Hiền sai quan đem ba ngàn quân sang đánh ở Mỗi Xuy (1) (nay thuộc huyện Phúc Chánh, tỉnh Biên Hòa) bắt được vua là Nặc Ông Chân đem về giam ở Quảng Bình một độ, rồi tha cho về nước, bắt phải triều cống và phải bênh vực người An Nam sang làm ăn ở bên ấy.

"Năm Giáp Dần (1674), nước Chân Lạp có người Nặc Ông Đài đi cầu viện nước Xiêm La để đánh Nặc Ông Nộn.

"Nặc Ông Nộn bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang (nay là Khánh Hòa). Chúa Hiền bèn sai cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn Dương Lâm cùng với Nguyễn Đình Phái làm tham mưu đem binh chia ra làm hai đạo sang đánh Nặc Ông Đài, phá được đồn Sài Gòn rồi tiến quân lên vây thành Nam Vang. Nặc Ông Đài phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc Ông Thu ra hàng. Nặc Ông Thu chính là dòng con trưởng cho nên lại lập làm chánh quốc vương đóng ở Long Úc, để Nặc Ông Nộn đóng ở Sài Gòn, bắt hàng năm phải triều cống.

....

"Năm Mậu Thìn (1688) Hoàng Tiến (2) giết Dương Ngạn Địch, rồi đem chúng đóng đồn ở Nam Khê, làm tàu, đúc súng để chống nhau với người Chân Lạp. Vua Chân

(1) Nam gọi Mô Xoài.
(2) Nam gọi là Huỳnh Tấn.

Lạp là Nặc Ông Thu cũng đào hào đắp lũy làm kế cố thủ và bỏ không chịu thần phục Chúa Nguyễn nữa.

"Bấy giờ Chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Trăn sai quan(1) đem quân đi đánh dẹp, dùng mưu giết được Hoàng Tiến và bắt vua Chân Lạp (2) phải theo lệ triều cống (3).

Năm Mậu Dần (1698), Chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu sai ông Nguyễn Hữu Kính (4) làm kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố (Giản Phố) ra làm dinh, làm huyện, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long và xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (5). Đặt Trấn Biên dinh (tức là Biên Hòa) và Phiên Trấn dinh (tức là Gia Định) sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng Bình trở vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất. Còn những người Tàu ở đất Trấn Biên (Biên Hòa) thì lập làm xã Thanh Hà: những người ở đất Phiên Trấn (Gia Định) thì lập làm xã Minh Hương. Những người ấy đều thuộc về sổ

---

(1) Theo cuốn *Souvenirs historiques* của ông Trương Vĩnh Ký thì vị quan tướng này tên "Vạn" nhưng không rõ họ gì.

(2) Chey Chetta IV.

(3) Theo *Souvenirs historiques* ông Trương Vĩnh Ký nói vì Nặc Ông Thu bất tuân điều ước nên Chúa Ngãi sai Nguyễn Hữu Hào chinh phạt bắt được Ông Thu đem về Sài Gòn, đến đây người thọ bịnh từ trần, Phó Vương Miên tự vận chết theo.

(4) Nam gọi Nguyễn Hữu Cảnh.

(5) Vì thế, người vùng Đồng Nai cũng được gọi là *người hai huyện*. Đừng lầm với *người hai huyện* vùng Hậu Giang đồng một thuở, là người huyện Phong Phú (Cần Thơ) và huyện Đông Xuyên (Long Xuyên).

bộ nước ta".

(*Việt Nam Sử lược*, Trần Trọng Kim, trương 329-330)

2) Từ năm 1753 đến năm 1780

Xin kể đại lược những năm oanh liệu nhứt để đánh dấu những kỳ công của tổ tiên ta:

Năm 1753, vua Chân Lạp Nặc Ông Nguyên lấn hiếp người Côn Man ở trong Nam, triều đình Huế bèn cử ông Nguyễn Cư Trinh làm quan tham mưu lo việc đánh dẹp. Ba phen thắng giặc, Cư Trinh hiến kế "tàm thực" làm cho mười năm sau hoàn thành cuộc mở mang: Thủy Chân Lạp hoàn toàn về tay Chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Bấy giờ, miền rừng sác (1) hoang vu, cực nam là vùng Lòi Lạp (Gò Công), Tầm Bôn (Tân An) và vùng các cửa sông Cửu Long (Ba Thắc (2) tức vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu) và Trà Vang (Trà Vinh, Bến Tre), còn thuộc Chân Lạp.

Đồng thời với việc thôn tính nước Chiêm (1611-1692),

---

(1) Nhiều học giả viết "rừng sát" (với chữ "t" ở chót) và đinh ninh rằng trúng. Phải chịu khó tra cứu bộ *Đại Nam quốc âm tự vị* của ông Huỳnh Tịnh Của, trương 276, mới thấy:

"Sác": Cây nước mặn.

"Rừng sác": rừng nước mặn (ở gần biển).

Vậy xin đính chính.

(2) Tại chợ cũ Bãi Xàu, có một ngôi cổ miếu đề "ba Thắc cổ miếu" chung quanh cổ thọ um tùm, tương truyền đây là một địa điểm linh thính của Cổ Cao Miên gọi là Neak Ta Srock Passac. (V.H.S)

Chúa Nguyễn đã tiến lần xuống miền Đồng Nai phì nhiêu. Hơn một thế kỷ (1623-1739), do việc giành ngôi lẫn nhau của các vua Miên mà Chúa Nguyễn lần hồi thâu phục dân Việt, dần dần mở mang các đất đai: Mô Xoài (1) (Bà Rịa, Biên Hòa) (1658), Sài Gòn (Gia Định) (1698), Định Tường (Mỹ Tho) và Long Hồ (Vĩnh Long) (1731). Phía vịnh Xiêm La, Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên và hòn Phú Quốc cho Chúa Nguyễn từ năm 1714, sau đó con là Mạc Thiên Tứ mở thêm bốn huyện (1739): Long Xuyên (miền Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (miền Cần Thơ) và Trấn Di (miền Bắc Bạc Liêu).

Đến triều Võ Vương, vua Chân Lạp Nặc Ông Tha (Sothea) nhờ Chúa Nguyễn mà giữ ngôi báu ở La Bích (Lovek) (1736 - 1748). Sau Nặc Ông Thâm (Thomae), chú của Tha, thua chạy trốn bên Xiêm từ năm 1715, lại trở về đánh đuổi Nặc Ông Tha và cướp ngôi (1748, song chẳng bao lâu thì mất.

Mấy người con của Thâm tranh ngôi. Võ Vương sai Nguyễn Hữu Doãn làm thống suất đánh dẹp và lập Nặc Ông Tha làm vua trở lại. Được vài tháng, Tha bị con của Thâm là Nặc Nguyên (Ang Snguôn) đem quân Xiêm về đánh đuổi (1750). Tha thua, chạy sang Gia Định cầu cứu, nhưng chết ở đấy.

Nặc Nguyên tranh được ngôi vua lại thường đem binh lấn hiếp người Côn Man là tàn tích dân Chiêm sang trú

(1) *Việt Nam Sử lược*, Trần Trọng Kim viết là "Mỗi Xuy".

ngụ từ năm 1693.

Về phía Bắc, Nặc Nguyên lại thông sứ với Chúa Trịnh Doanh (1740 - 1767) để lập mưu đánh Chúa Nguyễn.

....

Mùa đông năm Quý Dậu (1753), Võ Vương sai ông Thiện Chính (khuyết tên) (1) làm thống suất và ông Nguyễn Cư Trinh, ký lục Bố Chánh Dinh làm quan tham mưu, điều khiển tướng sĩ năm dinh đi đánh Nặc Nguyên. Quân tiến đến Ngưu Chử (Bến Nghé), lập dinh trại, kén sĩ tốt, trừ bị thêm nhiều, để làm kế khai thác.

Mùa hạ năm Giáp Tuất (1754), ông Cư Trinh với ông thống suất chia quân tiến lên. Ông Cư Trinh đến đâu, giặc quy phục đến đó; đi qua đất Tần Lê (?) ra đến Sông Lớn (2) cùng hội quân với ông Thiện Chính ở đồn Lô Yêm (?). Từ đó tiến binh: phủ Lôi Lạp, (Soi Rạp: Gò Công), phủ Tầm Bôn (Tân An), phủ Cầu Nam (Ba Nam), phủ Nam Vinh (Nam Vang: Phnôm Pênh), bốn phủ hàng cả. Rồi chiêu phục người Côn Nam để làm thanh thế.

Nặc Nguyên chạy trốn gần Vĩnh Long; gặp mùa nước

---

(1) Có lẽ ông Nguyễn Hữu Doãn, làm thống suất đánh dẹp các con Nặc Ông Thâm bốn năm về trước (1749). Sau vì thua ở đất Vô Tà Ân (?) bị giáng xuống chức cai đội nên bị bôi tên. Rồi sau sử chép cho là khuyết tên họ chăng?
(Chú thích trong *Sãi Vãi*, Lê Ngọc Trụ, Phạm Văn Luật, trương 45).

(2) Sông Lớn đây có lẽ là Sông Vàm Cỏ, chảy ngang qua phủ Lôi Lạp, Tầm Bôn, Ba Nam.
Ông Maybon, trong quyển *Histoire moderne du pays d'Annam* tr. 127, để là Vàm Cỏ Tây (Vaico occidental).

nổi, phải ngưng đánh phá.

Mùa xuân năm Ất Hợi (1755), ông thống suất về đồn Mỹ Tho, dẫn theo hơn vạn người Côn Man mới chiêu phục. Đến đất Vô Tà Ân (1) bị quân của Nặc Nguyên đổ ra đánh úp. Quân của thống suất đi tập hậu bị mắc bụi rậm vũng lầy, không thể đến cứu viện. Ông Nguyễn Cư Trinh mới đem quân của ông đến cứu thoát hơn năm người Côn Man, vừa trai vừa gái, rồi đem về trú ở Núi Bà Đinh (Bà Đen).

Nhân ông Cư Trinh hạch tấu ông Thiện Chính về tội để mất cơ nghi mà bỏ dân mới phục hàng, Vua giáng ông ấy xuống chức cai đội, cho ông Trương Phúc Du thay thế.

Ông Cư Trinh với ông Phúc Du và người Côn Man đi tiên phong đến đánh hai phủ Cầu Nam và Nam Vinh.

Nặc Nguyên thua, chạy trốn sang Hà Tiên nương theo Mạc Thiên Tứ, nhờ Tứ xin hộ với Chúa Nguyễn, hiến hai phủ Tần Bôn, Lôi Lạp để chuộc tội, và bổ vào lệ triều cống đã bỏ ba năm về trước, cùng để xin cho về nước.

Vua nhận lấy hai phủ (1756) và cho Nặc Nguyên về nước.

Năm Đinh Sửu (1757), Nặc Nguyên chết, chú họ là Nặc Nhuận (Neac Ang Nhuan) làm giám đốc, xin hiến đất Trà Vang (Trà Vinh, Bến Tre) và Ba Thắc (Sóc trăng, Bạc Liêu) để cầu được Chúa Võ Vương phong làm vua. Song không lâu, Nhuận bị rể là Nặc Hinh nổi loạn giết chết

---

(1) Có lẽ là vùng Đồng Tháp Mười. (Chú thích trong *Sãi Vãi*).

cướp ngôi (1758).

Cháu của Nặc Nhuận là Nặc Tôn, con của Nặc Nguyên, chạy sang Hà Tiên cầu cứu với Mạc Thiên Tứ. Thiên Tứ dâng sớ tâu qua các việc và xin phong Nặc Tôn làm vua Chân Lạp. Võ Vương thuận cho, sai tướng Ngũ dinh tại Gia Định hợp với Thiên Tứ lo việc ấy. Trương Phúc Du đem binh đánh dẹp. Nặc Hinh thua chạy, bị kẻ thuộc hạ giết. Hoàng tử Nặc Non cùng hoàng gia chạy trốn bên Xiêm.

Nặc Tôn được Mạc Thiên Tứ đưa về nước lập làm vua, và được Võ Vương sắc phong chức Phiên Vương.

Để tạ ơn Võ Vương, Nặc Tôn hiến đất Tầm Phong Long (Châu Đốc và Sa Đéc) (1759). Rồi cắt năm phủ: Hương Úc (Kompong Som), Cần Bột (Kampot), Sài Mạt (Cheal Meas), Chưng Rừm, Linh Quỳnh (vùng duyên hải từ Sré Ambel đến Peam) để riêng tạ ơn Thiên Tứ. Mạc Thiên Tứ đều dâng cả cho Chúa Nguyễn (1). Võ Vương bèn dạy sát nhập vào trấn Hà Tiên.

(Tài liệu mượn trong quyển *Nguyễn Cư Trinh với quyển Sãi Vãi* của hai ông Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật, trương 45-49).

Đoạn trên kể lại công nghiệp khai mở bờ cõi của một vị tướng văn võ toàn tài là ông Nguyễn Cư Trinh. Cư Trinh lại rất có công về cuộc phòng thủ lâu dài.

---

(1) Năm phủ này đến đời Thiệu Trị, năm 1847, bị giao trả lại cho nước Miên. (chú thích trong quyển *Sãi Vãi*).

Ông giỏi phương pháp "dĩ địch chế địch" nên đặt người Côn Man thủ Tây Ninh và Hồng Ngự (Châu Đốc), nay hai chỗ này còn di tích người Chàm. Chính ông Cư Trinh xin dời dinh Long Hồ lên xứ Tầm Bào, cũng thuộc tỉnh lỵ Vĩnh Long.

Về mặt thủy đạo, ông sai lập đồn hai bên sông Cửu Long gần biên giới:

- *Tân Châu đạo* (Cù Lao Giêng) ở Tiền Giang.

- *Châu Đốc đạo* ở Hậu Giang.

- Thêm lập *Đông Khẩu đạo,* ở xứ Sa Đéc, để làm hậu thuẫn. Các đạo ấy dùng binh ở Long Hồ dinh để trấn áp. Giữ mặt Vịnh Xiêm La, phòng Xiêm làm hỗn, Cư Trinh và Thiên Tứ đặt ra *Kiên Giang đạo* ở Rạch Giá và *Long Xuyên đạo* ở vùng Cà Mau.

Ông Cư Trinh lại rất giàu sáng kiến. Ông lo tổ chức sự an ninh vùng đất mới, đảm bảo sự thông thương buôn bán trên rạch hồ. Như thuở ấy, khúc sông Gia Định còn nhiều chỗ xưng bá, thuyền cướp tụ tập phá khuấy ghe thương hồ, (ngày trước còn để lại tàn tích "bối Ba Cụm" thuộc vùng Bình Điền, Tân Bửu, v.v...) Cư Trinh bày ra lệ bắt thuyền các Hạt, bất luận lớn nhỏ, trước mũi phải khắc tên họ, quê quán, chủ thuyền, và ghi bộ quan sở tại để tiện tra xét.

Nguyễn Cư Trinh còn là một văn nhơn tài tử. Ông thường ngâm vịnh, sang Phương Thành (Hà Tiên) nhập Chiêu Anh Các xướng họa cùng Mạc Thiên Tứ. Hai người

rất là tương đắc, Thiên Tứ có ra mười bài *Hà Tiên thập cảnh vịnh* (nay còn là truyền tụng. Cư Trinh có họa đủ mười bài).

Kể lại trong Nam, đời ấy công nghiệp lớn nhứt có hai ông: Nguyễn Cư Trinh và Mạc Thiên Tứ. Ông trước cầm binh ra trận, thi phú tài tình; ông sau giỏi ngón ngoại giao và văn chương tao nhã. Cả hai mở rộng bờ cõi miền Nam cho chúng ta được hưởng ngày rày.

Đồng thời tại Gia Định, trong nhóm người Minh Hương, có ba ông: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh và Lê Quang Định, đều là những bực công thần có công xây dựng cõi Nam, đua nhau nâng cao nền văn hiến Việt và tận tâm giúp Chúa Nguyễn thâu lại cơ nghiệp tổ tiên thống nhứt giang san. Hà Tiên có Chiêu Anh Các, Gia Định có Thi hữu tam gia không kém.

Năm 1780, Mặc Thiên Tứ từ trần, không con nối hậu. Đất Hà Tiện từ đây sáp nhập cơ đồ Nguyễn Chúa:

CUỘC MỞ MANG BỜ CÕI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM ĐẾN ĐÂY, KỂ NHƯ ĐÃ HOÀN THÀNH